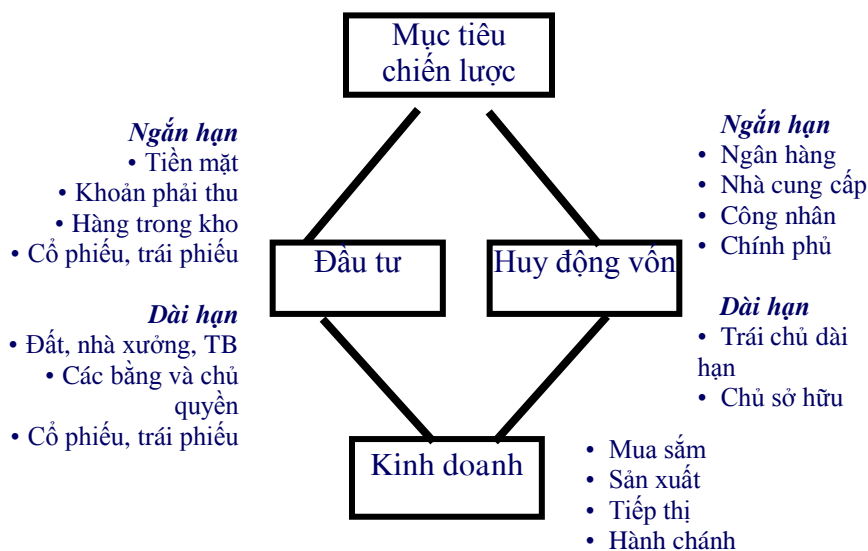


KT 02: Bảng cân đối kế toán

1. Một số khái niệm, quy tắc kế toán cơ bản
2. Cấu trúc bảng cân đối kế toán
3. Sự hình thành bảng cân đối kế toán

Nguồn tham khảo: chương 1, 2 - S&W và các bài giảng những khoá trước

Sơ đồ quy trình kinh doanh



Ba quy ước kế toán đầu tiên

- **Kế toán kép (dual-aspect)**
 - Mỗi giao dịch luôn luôn có hai tác động lên chủ thể
 - Thể hiện bằng hai thuật ngữ kế toán: NỢ và CÓ
- **Tiền là đơn vị đo lường (money-measurement)**
 - Các khoản mục đều được đo bằng tiền
 - Chỉ dùng một đơn vị tiền tệ
- **Pháp nhân (entity)**
 - Chỉ xét tài chính của công ty, không xét tài chính của người chủ

Đánh giá tài sản

- Chi phí mua hay chi phí lịch sử;
- Chi phí thay thể hiện tại: là số tiền hiện tại cần phải có để có quyền nhận được lợi ích tương lai từ tài sản
- Giá trị có thể bán được hiện tại (giá trị thanh lý) là số tiền ròng (giá bán trừ chi phí bán) mà hiện nay công ty có thể thu được nếu bán riêng từng tài sản
- Giá trị hiện tại của ngân lưu ròng tương lai: dùng phương pháp chiết khấu ngân lưu để tính giá trị hiện tại của ngân lưu mà nguồn lực mang lại trong tương lai.

Ba giả định cơ bản

- **Nguyên tắc hoạt động liên tục**
 - Doanh nghiệp hoạt động liên tục lâu dài, đủ để thực hiện mọi kế hoạch hiện tại và giá trị của các tài sản riêng lẻ là không quan trọng so với giá trị tổng thể lâu dài của công ty.
- **Nguyên tắc khách quan**
 - Đánh giá theo chi phí lịch sử có tính khách quan, để thống nhất về chi phí mua một tài sản
- **Nguyên tắc thận trọng:**
 - Kết quả hoạt động kinh doanh và các sự kiện khác được ghi ngay khi nó xảy ra.
 - Những sự kiện xảy ra được ghi chép và đưa vào các BCTC trong các kỳ báo cáo có liên quan.
 - Điều chỉnh theo xu hướng giảm bớt, ghi nhận chi phí, lỗ kỳ vọng nhưng không ghi nhận lãi kỳ vọng ngay khi nhận thấy.

Bảng cân đối kế toán

- **Bảng cân đối kế toán (bảng tổng kết tài sản)** trình bày kết quả đầu tư và huy động vốn của một công ty tại một thời điểm.
- **Bảng cân đối kế toán** là một bức ảnh chụp nhanh tình trạng tài chính của doanh nghiệp vào một thời điểm cụ thể, thể hiện sự cân bằng giữa một bên là các vụ đầu tư (sử dụng vốn – các tài sản) và một bên là các nguồn tài trợ cho các vụ đầu tư này (huy động vốn - nghĩa vụ nợ và vốn cổ đông).
- Tài sản = Nghĩa vụ nợ + Vốn cổ đông

Một vài khái niệm liên quan

- **Tài sản có:** Nguồn lực có tiềm năng mang lại lợi ích kinh tế cho công ty khi công ty có quyền sử dụng nguồn lực đó như kết quả của những giao dịch trong quá khứ và công ty có thể đo lường/định lượng được lợi ích tương lai với một độ chính xác hợp lý.
- **Các khoản hay nghĩa vụ nợ:** Bỏn phận phải thanh toán bằng tiền hay dịch vụ xác định (hay tương đối xác định) trong khoảng thời gian nhất định để đổi lấy một lợi ích nào đó
- **Vốn chủ sở hữu:** Phần chủ quyền của cổ đông lên số tài sản còn lại của công ty sau khi đã trừ đi quyền của các chủ nợ.
- Nội bảng và ngoại bảng (trong và ngoài bảng CĐKT)

Các thành phần chính của BCDKT

<u>TÀI SẢN</u>	<u>NỢ & VỐN CSH</u>
<ul style="list-style-type: none">• Tài sản lưu động<ul style="list-style-type: none">• Tiền mặt• Đầu tư ngắn hạn• Khoản phải thu• Tồn kho• Khác• TSCĐ & DT dài hạn<ul style="list-style-type: none">• TSCĐ• Đầu tư dài hạn• Khác	<ul style="list-style-type: none">• Nợ<ul style="list-style-type: none">• Khoản phải trả• Nợ ngắn hạn• Nợ dài hạn• Khác• Vốn CSH<ul style="list-style-type: none">• Vốn cổ phần• Lợi nhuận giữ lại• Khác

Lưu ý: Hai vế của BCDKT phải luôn cân bằng

PHƯƠNG TRÌNH BẢNG CÂN ĐỐI

$$\boxed{\begin{matrix} \text{TÀI SẢN} \\ \text{CÓ} \end{matrix}} = \boxed{\begin{matrix} \text{TRÁCH} \\ \text{NHIỆM NỢ} \end{matrix}} + \boxed{\begin{matrix} \text{VỐN CHỦ} \\ \text{SỞ HỮU} \end{matrix}}$$

$$\boxed{\begin{matrix} \text{TÀI SẢN} \\ \text{CÓ} \end{matrix}} = \boxed{\begin{matrix} \text{TSLĐ \&} \\ \text{ĐTNH} \end{matrix}} + \boxed{\begin{matrix} \text{TSCĐ \&} \\ \text{ĐTDH} \end{matrix}}$$

Bảng CĐKT theo quy định VN (TT 38/2007/TT-BTC)

TT	TÀI SẢN CÓ	TT	NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU
I	Tài sản ngắn hạn	IV	Nợ phải trả
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	1	Nợ ngắn hạn
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	2	Nợ dài hạn
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	V	Vốn chủ sở hữu
4	Hàng tồn kho	1	Vốn chủ sở hữu
5	Tài sản ngắn hạn khác		- Vốn đầu tư của chủ sở hữu
II	Tài sản dài hạn		- Thặng dư vốn cổ phần
1	Các khoản phải thu dài hạn		- Vốn khác của chủ sở hữu
2	Tài sản cố định		- Cổ phiếu quỹ
	- Tài sản cố định hữu hình		- Chênh lệch đánh giá lại tài sản
	- Tài sản cố định vô hình		- Chênh lệch tỷ giá hối đoái
	- Tài sản cố định thuê tài chính		- Các quỹ
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
3	Bất động sản đầu tư		- Nguồn vốn đầu tư XDCB
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	2	Nguồn kinh phí và quỹ khác
5	Tài sản dài hạn khác		- Quỹ khen thưởng phúc lợi
			- Nguồn kinh phí
			- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN

Ví dụ về bảng cân đối kế toán

CÔNG TY SOFTWARE: BẢNG TỔNG KẾT TÀI SẢN ĐỐI CHIẾU			
Tài sản lưu động		31/12/20X0	31/12/20X1
TÀI SẢN CÓ	Tiền mặt	70.000	200.000
	Khoản sẽ thu từ khách hàng	-	180.000
	Tồn kho (tính theo giá thành)	100.000	270.000
	<i>Tổng tài sản lưu động</i>	<i>170.000</i>	<i>650.000</i>
	Tài sản cố định (tính theo giá mua)		
	Đất đai	30.000	30.000
	Nhà xưởng (đã trừ khấu hao lũy kế)	400.000	380.000
	Thiết bị (đã trừ khấu hao lũy kế)	250.000	230.000
	Bảng sáng chế (đã trừ khấu hao lũy kế)	150.000	120.000
	<i>Tổng tài sản cố định</i>	<i>830.000</i>	<i>760.000</i>
Tổng tài sản có	1.000.000	1.410.000	
NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	Nợ ngắn hạn		
	Khoản phải trả cho người bán hàng	100.000	130.000
	Lương phải trả cho công nhân	-	30.000
	Thuế thu nhập phải trả cho Nhà nước	-	40.000
	<i>Tổng nợ ngắn hạn</i>	<i>100.000</i>	<i>200.000</i>
	Nợ dài hạn		
	Tiền trái phiếu phải trả cho người cho vay	400.000	450.000
	<i>Tổng nợ</i>	<i>500.000</i>	<i>650.000</i>
	Vốn cổ phần		
	Cổ phiếu thường	500.000	600.000
Lợi nhuận giữ lại	-	160.000	
<i>Tổng vốn cổ phần</i>	<i>500.000</i>	<i>760.000</i>	
Tổng nợ và vốn cổ phần	1.000.000	1.410.000	

Sự hình thành bảng cân đối kế toán?

Công ty ABC có các hoạt động sau

1. Các chủ sở hữu góp 10 tỷ tiền mặt
2. Vay dài hạn 7 tỷ để mua máy móc thiết bị và xây nhà xưởng trị giá 10 tỷ đồng, tuyển dụng 100 lao động
3. Mua bảng sáng chế trị giá 2 tỷ đồng bằng tiền mặt
4. Vay ngắn hạn thêm 10 tỷ để mua nguyên vật liệu trị giá 20 tỷ nhập vào kho, nhưng chỉ trả bên mua 12 tỷ?
5. Xuất hàng tồn kho giá trị 10 tỷ bán được 15 tỷ, nhưng chưa thu được đồng tiền mặt nào, trong khi chi phí khác bằng tiền mặt 2 tỷ đồng, khấu hao 1 TSCĐ hữu hình 1 tỷ đồng (Giả sử thuế thu nhập DN bằng không)
6. Thu được 10 tỷ đồng tiền mặt, trả bớt nợ khách hàng 5 tỷ đồng
7. Dùng tiền mặt mua 3 tỷ đồng chứng khoán dài hạn, 2 tỷ đồng chứng khoán ngắn hạn

Sự hình thành bảng cân đối kế toán?

TÀI SẢN		NỢ VÀ VỐN	
TSLĐ & ĐTNH	18	NỢ	20
Tiền mặt	1	Ngắn hạn	13
Đầu tư ngắn hạn	2	Phải trả	3
Phải thu	5	Vay ngắn hạn	10
Tồn kho	10	Dài hạn	7
TSCĐ & ĐTDH	14	VỐN	12
TSCĐ Hữu hình	9	Vốn cổ phần	10
TSCĐ Vô hình	2	LN giữ lại	2
Đầu tư dài hạn	3		
Tổng tài sản	32	Tổng Nợ + Vốn	32

TH1: Các chủ sở hữu góp 10 tỷ tiền mặt

TÀI SẢN		NỢ VÀ VỐN	
TSLĐ & ĐTNH	10	NỢ	
Tiền mặt	10	Ngắn hạn	
Đầu tư ngắn hạn		Phải trả	
Phải thu		Vay ngắn hạn	
Tồn kho		Dài hạn	
TSCĐ & ĐTDH		VỐN	10
TSCĐ Hữu hình		Vốn cổ phần	10
TSCĐ Vô hình		LN giữ lại	
Đầu tư dài hạn			
Tổng tài sản	10	Tổng Nợ + Vốn	10

TH2: Vay dài hạn 7 tỷ để mua máy móc thiết bị và xây nhà xưởng trị giá 10 tỷ đồng, tuyển dụng 100 lao động

TÀI SẢN		NỢ VÀ VỐN	
TSLĐ & ĐTNH	7	NỢ	7
Tiền mặt	10-3=7	Ngắn hạn	
Đầu tư ngắn hạn		Phải trả	
Phải thu		Vay ngắn hạn	
Tồn kho		Vay dài hạn	7
TSCĐ & ĐTDH	10	VỐN	10
TSCĐ Hữu hình	10=3+7	Vốn cổ phần	10
TSCĐ Vô hình		LN giữ lại	
Đầu tư dài hạn			
Tổng tài sản	17	Tổng Nợ + Vốn	17

TH3: Mua bằng sáng chế trị giá 2 tỷ đồng bằng tiền mặt

TÀI SẢN		NỢ VÀ VỐN	
TSLĐ & ĐTNH	5	NỢ	7
Tiền mặt	7-2=5	Ngắn hạn	
Đầu tư ngắn hạn		Phải trả	
Phải thu		Vay ngắn hạn	
Tồn kho		Dài hạn	7
TSCĐ & ĐTDH	12	VỐN	10
TSCĐ Hữu hình	10	Vốn cổ phần	10
TSCĐ Vô hình	2	LN giữ lại	
Đầu tư dài hạn			
Tổng tài sản	17	Tổng Nợ + Vốn	17

TH4: Vay ngắn hạn thêm 10 tỷ để mua nguyên vật liệu trị giá 20 tỷ nhập vào kho, nhưng chỉ trả bên mua 12 tỷ?

TÀI SẢN		NỢ VÀ VỐN	
TSLĐ & ĐTNH	23	NỢ	25
Tiền mặt	$5-2=3$	Ngắn hạn	18
Đầu tư ngắn hạn		Phải trả	8
Phải thu		Vay ngắn hạn	10
Tồn kho	$20=2+8+10$	Dài hạn	7
TSCĐ & ĐTDH	12	VỐN	10
TSCĐ Hữu hình	10	Vốn cổ phần	10
TSCĐ Vô hình	2	LN giữ lại	
Đầu tư dài hạn			
Tổng tài sản	35	Tổng Nợ + Vốn	35

TH5: Xuất hàng tồn kho giá trị 10 tỷ bán được 15 tỷ, nhưng chưa thu được đồng tiền mặt nào, trong khi chi phí khác bằng tiền mặt 2 tỷ đồng, khấu hao TSCĐ hữu hình 1 tỷ đồng (Giá sử thuế thu nhập doanh nghiệp bằng không)

TÀI SẢN		NỢ VÀ VỐN	
TSLĐ & ĐTNH	26	NỢ	25
Tiền mặt	$3-2=1$	Ngắn hạn	18
Đầu tư ngắn hạn		Phải trả	8
Phải thu	$10+2+1+2=15$	Vay ngắn hạn	10
Tồn kho	$20-10=10$	Dài hạn	7
TSCĐ & ĐTDH	11	VỐN	12
TSCĐHH	$20-1=9$	Vốn cổ phần	10
TSCĐ Vô hình	2	Lợi nhuận giữ lại	2
Đầu tư dài hạn			
Tổng tài sản	37	Tổng Nợ + Vốn	37

TH5': Như TH5, nhưng hạch toán thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho 1 tỷ đồng (Giá sử thuế thu nhập doanh nghiệp bằng không)

Hạch toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho như thế nào?

TÀI SẢN		NỢ VÀ VỐN	
TSLĐ & ĐTNH	25	NỢ	25
Tiền mặt	3-2=1	Ngắn hạn	18
Đầu tư ngắn hạn		Phải trả	8
Phải thu	10+2+1+1+1=15	Vay ngắn hạn	10
Tồn kho	20-10-1=9	Dài hạn	7
TSCĐ & ĐTDH	11	VỐN	11
TSCĐHH	20-1=9	Vốn cổ phần	10
TSCĐ Vô hình	2	Lợi nhuận giữ lại	1
Đầu tư dài hạn			
Tổng tài sản	36	Tổng Nợ + Vốn	36

TH6: Thu được 10 tỷ đồng tiền mặt, trả bớt nợ khách hàng 5 tỷ đồng bằng tiền mặt

TÀI SẢN		NỢ VÀ VỐN	
TSLĐ & ĐTNH	21	NỢ	20
Tiền mặt	1+10-5=6	Ngắn hạn	18
Đầu tư ngắn hạn		Phải trả	8-5=3
Phải thu	15-10=5	Vay ngắn hạn	10
Tồn kho	10	Dài hạn	7
TSCĐ & ĐTDH	11	VỐN	12
TSCĐ Hữu hình	10	Vốn cổ phần	10
TSCĐ Vô hình	2	LN giữ lại	2
Đầu tư dài hạn			
Tổng tài sản	32	Tổng Nợ + Vốn	32

TH7: Dùng tiền mặt mua 3 tỷ đồng chứng khoán dài hạn, 2 tỷ đồng chứng khoán ngắn hạn

TÀI SẢN		NỢ VÀ VỐN	
TSLĐ & ĐTNH	18	NỢ	20
Tiền mặt	6-3-2=1	Ngắn hạn	13
Đầu tư ngắn hạn	2	Phải trả	3
Phải thu	5	Vay ngắn hạn	10
Tồn kho	10	Dài hạn	7
TSCĐ & ĐTDH	14	VỐN	12
TSCĐ Hữu hình	9	Vốn cổ phần	10
TSCĐ Vô hình	2	LN giữ lại	2
Đầu tư dài hạn	3		
Tổng tài sản	32	Tổng Nợ + Vốn	32

Một số khoản mục đặc biệt

- Ghi (hạch toán) các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho hay nợ khó đòi?
- Ghi khấu hao TSCĐ?
- Ghi thặng dư vốn cổ phần hay cổ phiếu quỹ?

Một số nghiệp vụ khác

- Phát hành thêm 1 triệu cổ phiếu, mệnh giá 10 nghìn đồng một cổ phiếu, thu được 20 tỷ đồng
- Chia cổ tức bằng tiền mặt 1 tỷ đồng
- Bảo lãnh cho một công ty con vay vốn 5 tỷ đồng
- Bằng sáng chế đã mua hoàn toàn không dùng được, phải bỏ
- Lặp lại tình huống 5 khi có thuế TNDN là 28%

Chúng ta đã có một bảng cân đối kế toán?

TÀI SẢN		NỢ VÀ VỐN	
TSLĐ & ĐTNH	18	NỢ	20
Tiền mặt	1	Ngắn hạn	13
Đầu tư ngắn hạn	2	Phải trả	3
Phải thu	5	Vay ngắn hạn	10
Tồn kho	10	Dài hạn	7
TSCĐ & ĐTDH	14	VỐN	12
TSCĐ Hữu hình	9	Vốn cổ phần	10
TSCĐ Vô hình	2	LN giữ lại	2
Đầu tư dài hạn	3		
Tổng tài sản	32	Tổng Nợ + Vốn	32